

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2019/HS-ST
Ngày: 25 - 11 - 2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan và Bà Trần Thị Hải Thương

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 160/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Viết Q, sinh năm 1962 tại Hải Phòng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn 02, xã Đường 10, huyện B, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay tổ 03, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Viết K (đã chết) và bà Phan Thị B (đã chết), bị cáo có vợ là chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1965 và 04 người con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại “có mặt”.

Người bị hại:

Chị Lương Thị Thu H, sinh năm 1995; nơi cư trú ấp 8, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Người chứng kiến:

Anh Nguyễn Thọ L, sinh năm 1982; nơi cư trú khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 24/8/2019, trong khi làm bảo vệ tại quán “Ố” ở khu phố T, phường T, thành phố Đ, Nguyễn Viết Q sắp xếp lại các xe mô tô của khách vào ăn uống tại quán để ở bãi xe của quán thì phát hiện xe mô tô 93P1-951.25 của chị Lương Thị Thu H không khóa chốt yên xe nên Q dùng tay mở yên xe lên thì thấy trong hộc xe của chị H có 01 túi xách màu hồng (túi xách cũng không kéo khóa lại) Q nhìn thấy bên trong túi xách có 01 cái ví da màu đen nên lấy ra xem thì thấy bên trong có một xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng nên lấy số tiền này bỏ vào túi quần của mình đang mặc rồi bỏ ví vào túi xách và bỏ yên xe xuống như cũ. Khoảng 22 giờ cùng ngày chị H ra lấy xe để về thì phát hiện yên xe không khóa nên kiểm tra và phát hiện bị mất số tiền 12.000.000 nên trình báo Công an. Công an phường T và Công an thành phố Đ tiến hành khám nghiệm hiện trường và lấy lời khai Nguyễn Viết Q thì Q thừa nhận chính bản thân đã lấy số tiền của chị H và đang cất giấu ở thùng rác trong nhà vệ sinh của quán “Ố” và chỉ nơi cất giấu để lực lượng Công an thu giữ gồm 24 tờ liên mệnh giá 500.000 đồng/tờ được gói bên trong khăn vải màu trắng (loại khăn lạnh) và buộc bên ngoài bằng sợi dây thun màu vàng. Tổng cộng số tiền Q lấy trộm của chị H là 12.000.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thu giữ số tiền 12.000.000 đồng; 01 khăn vải màu trắng kích thước 20cm x 25cm, 01 sợi dây thun màu vàng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sam sung J3 Pro màu vàng; 01 ví da màu nâu, số tiền 5.000.000 đồng.

Ngày 19/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Lương Thị Thu H số tiền 12.000.000 đồng; trả lại cho bị cáo Nguyễn Viết Q 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sam sung J3 Pro màu vàng; 01 ví da màu nâu, số tiền 5.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 156/CT-VKS ngày 07/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo Nguyễn Viết Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Viết Q mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy số vật chứng thu giữ hiện không còn giá trị sử dụng gồm 01 khăn vải màu trắng đã cũ và 01 sợi dây thun màu vàng.

Bị cáo Nguyễn Viết Q tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về Hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 156/CT-VKS ngày 07/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu, kết luận điều tra, cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Lợi dụng việc chị Lương Thị Thu H sơ hở trong việc để tài sản trong cốp xe không khóa nên khoảng 20 giờ 30 phút ngày 24/8/2019 khi đang sắp xếp xe cho khách tại quán “Ố” Nguyễn Viết Q đã lén lút lấy trộm một xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng với tổng số tiền 12.000.000 đồng.

[3] Căn cứ vào hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo chiếm đoạt số tiền 12.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Bị cáo là người đã thành niên, hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản là hành vi phạm tội nhưng vì mục đích vụ lợi cá nhân mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại, là khách thể được pháp luật bảo vệ, vì vậy cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Bị cáo được xem xét tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại nên chưa gây thiệt hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; người bị hại cũng có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo để giáo dục mà chỉ cần lên cho bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội, cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đường 10, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại chị Lương Thị Thu H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án: Đối với số vật chứng vụ án thu giữ là 01 khăn vải màu trắng đã cũ và 01 sợi dây thun màu vàng hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Q ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Viết Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết Q 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đường 10, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự

3. Về trách nhiệm dân sự: Do các bên không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 khăn vải đã cũ và 01 sợi dây thun màu vàng đã cũ.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001734, quyển số 0035, ký hiệu D47/2017 ngày 08/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ).

5. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Q phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- UBND xã Đường 10, huyện B;
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An